

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông được thành lập theo Quyết định số 939/QĐ - TCBĐ ngày 11 tháng 10 năm 2000 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000382 ngày 31 tháng 05 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10, do thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và địa điểm.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

45.860.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3 5 184 070

Fax : (84-4) 3 5 184 071

Mã số thuế : 01 01135243

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
- Lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị điện nhẹ viễn thông, điện tử tin học, các hệ thống chống sét;
- Xuất nhập khẩu vật tư, hàng hóa, thiết bị;
- Sản xuất kinh doanh phụ kiện lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông tin học;
- Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán các công trình;
- Điện tử viễn thông đối với các công trình thông tin liên lạc, hệ thống quan sát camera;
- Thiết kế thông tin vô tuyến điện: đối với các công trình thông tin liên lạc bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột ăng ten, trang âm, hệ thống phòng chống sét);
- Điện lạnh, điện tử, tin học, báo cháy, điện nước, thang máy;
- Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thẩm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ, viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy;
- Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông;
- Gia công cơ khí, chế tạo sản xuất và lắp đặt cột cao thông tin;
- Mua bán hàng điện lạnh, điện gia dụng;
- Lắp đặt thi công các đường dây tải điện đến 35 KV;
- Xây lắp các công trình phát thanh truyền hình;
- Kinh doanh nhà, môi giới kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Thi công xây lắp các công trình đường bộ, giao thông vận tải, thủy lợi, thủy điện, nhà tiền chế, sân bay, bến cảng;
- Dịch vụ kỹ thuật và đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông;
- San lấp mặt bằng và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đa phương tiện (đường bộ, đường sắt, đường thủy);
- Kinh doanh vận tải bằng ô tô các loại hình sau : Vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Vận tải khách du lịch; Vận tải khách bằng taxi;
- Mua bán và cho thuê ô tô các loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh vật tư thiết bị trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, điện lực, tin học, môi trường;
- Mua bán trang thiết bị y tế;
- Duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các công trình ngầm (viễn thông, điện lực);
- Mua bán hàng lương thực, thực phẩm, hàng nông, lâm, thủy hải sản (trừ lâm sản Nhà nước cấm);
- Thi công lắp đặt và vận hành các loại hình sân khấu bao gồm: Sân khấu truyền hình, sân khấu biểu diễn nghệ thuật;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm, các sự kiện, các chương trình biểu diễn nghệ thuật (trừ các chương trình nhà nước cấm);
- Mua bán và cho thuê thiết bị âm thanh, ánh sáng, máy móc, trang thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực sân khấu, biểu diễn nghệ thuật, hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm;
- Thi công, lắp đặt các công trình xử lý cấp thoát nước, nước thải và chất thải các loại;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn, bán lẻ hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Buôn bán xi măng;
- Buôn bán gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Buôn bán kính xây dựng;
- Buôn bán sơn, véc ni;
- Buôn bán gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh;
- Buôn bán, bán lẻ máy móc, thiết bị, phương tiện, vật tư chuyên ngành môi trường;
- Sản xuất, buôn bán, bán lẻ nhiên liệu sinh học;
- Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Thiết kế phần mềm tin học.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 37).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Chủ tịch	27 tháng 01 năm 2008	
Ông Nguyễn Tiến Viện	Ủy viên	27 tháng 01 năm 2008	
Ông Phạm Thanh Tân	Ủy viên	27 tháng 01 năm 2008	
Ông Đôn Văn Thanh	Ủy viên	27 tháng 01 năm 2008	
Ông Lương Quý Thắng	Ủy viên	27 tháng 01 năm 2008	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phùng Văn Nghĩa	Trưởng ban	27 tháng 01 năm 2012	
Ông Nguyễn Văn Thiện	Ủy viên	27 tháng 01 năm 2012	
Ông Nguyễn Quốc Mạnh	Ủy viên	27 tháng 01 năm 2012	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc	14 tháng 07 năm 2003	01 tháng 08 năm 2012
Ông Lương Quý Thăng	Giám đốc	01 tháng 08 năm 2012	
Ông Lê Văn Luy	Phó Giám đốc	27 tháng 02 năm 2007	
Ông Phạm Thanh Tân	Phó Giám đốc	30 tháng 01 năm 2008	
Ông Lương Quý Thăng	Phó Giám đốc	01 tháng 11 năm 2009	01 tháng 08 năm 2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

Lương Quý Thăng

Ngày 10 tháng 8 năm 2012



BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 297/2012/BCTC-KTTV-KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 10 tháng 08 năm 2012, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Kiểm toán viên

Trần Anh Tuấn

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1708/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129.237.602.866	141.558.866.450
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.633.166.386	1.900.036.409
1. Tiền	111		2.633.166.386	1.900.036.409
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.937.972.222	64.432.157.683
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	46.904.080.042	62.824.590.396
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.035.237.893	819.724.274
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.107.390.928	896.579.654
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(108.736.641)	(108.736.641)
IV. Hàng tồn kho	140		30.093.115.925	27.664.548.363
1. Hàng tồn kho	141	V.6	30.093.115.925	27.664.548.363
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.573.348.333	47.562.123.995
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	20.580.418	80.027.485
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		88.826.057	88.826.057
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	47.463.941.858	47.393.270.453

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.741.686.104	34.818.653.826
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.065.380.039	1.337.624.057
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.065.380.039	1.337.624.057
<i>Nguyên giá</i>	222		4.529.529.449	4.529.529.449
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.464.149.410)	(3.191.905.392)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	7.156.356.298	7.761.080.002
<i>Nguyên giá</i>	241		12.094.473.923	12.094.473.923
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(4.938.117.625)	(4.333.393.921)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		23.719.949.767	23.719.949.767
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	22.213.400.000	22.213.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	600.000.000	600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.078.000.000	1.078.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(171.450.233)	(171.450.233)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.800.000.000	2.000.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	1.800.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		162.979.288.970	176.377.520.276

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHĘ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		85.113.143.685	105.906.775.664
I. Nợ ngắn hạn	310		84.778.189.083	75.844.670.409
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	16.676.563.000	683.173.000
2. Phải trả người bán	312	V.17	638.278.055	946.608.721
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	5.763.475.620	1.771.440.979
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	13.243.992.002	13.050.293.702
5. Phải trả người lao động	315		18.454.996	39.217.445
6. Chi phí phải trả	316	V.20	23.584.874.179	30.951.940.218
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	24.393.796.714	27.931.711.850
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	458.754.517	470.284.494
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		334.954.602	30.062.105.255
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	-	30.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		62.105.255	62.105.255
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.24	272.849.347	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.866.145.285	70.470.744.612
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	77.866.145.285	70.470.744.612
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.860.000.000	38.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.077.383.636	24.077.383.636
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.645.540.067	1.645.540.067
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		596.890.809	596.890.809
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.686.330.773	5.350.930.100
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		162.979.288.970	176.377.520.276

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)	48,24	48,24	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

Lập ngày 10 tháng 8 năm 2012

Kế toán trưởng

Lê Tuấn Vũ



Tổng Giám đốc

Lương Quý Thăng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.236.012.514	5.794.211.882
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.236.012.514	5.794.211.882
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.031.990.341	4.389.724.548
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.204.022.173	1.404.487.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	27.039.139	15.972.341
7. Chi phí tài chính	22		80.039.134	90.919.146
Trong đó: chi phí lãi vay	23		80.039.134	90.919.146
8. Chi phí bán hàng	24		-	1.854.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	703.821.281	944.969.305
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		447.200.897	382.716.624
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		447.200.897	382.716.624
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	111.800.224	95.679.156
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>335.400.673</u>	<u>287.037.468</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	<u>-</u>	<u>-</u>

Kế toán trưởng

Lê Tuấn Vũ

Lập ngày 10 tháng 8 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lương Quý Thăng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Mã số	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	447.200.897	382.716.624
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	876.967.722	908.786.766
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	-
- Chi phí lãi vay	06	80.039.134	90.919.146
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.404.207.753	1.382.422.536
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.345.740.813	16.098.766.269
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.428.567.562)	(3.005.833.885)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(4.559.621.273)	(8.519.885.246)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	59.447.067	82.197.037
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.407.710.087)	(90.919.146)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	916.629.003	119.351.600
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(650.385.737)	(90.940.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.679.739.977	5.975.159.165
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	8.800.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	26.941.240.000	8.113.278.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(33.887.850.000)	(20.545.990.567)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.404.512.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.946.610.000)	(6.037.225.067)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		733.129.977	437.934.098
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	1.900.036.409	1.125.852.347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	2.633.166.386	1.563.786.445

Lập ngày 10 tháng 8 năm 2012

Kế toán trưởng

Lê Tuấn Vũ



Lương Quý Thăng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, Thiết kế, Tư vấn
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm :**
 - Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
 - Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
 - Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán các công trình;
 - Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin buồng điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
 - Thẩm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, buồng chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ, viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy.
 - Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 61 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 70 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHĘ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá vốn các công trình xây lắp được ghi nhận tương ứng với doanh thu theo tỷ lệ được quy định trên các hợp đồng giao khoán giữa Công ty và các đội.

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 06 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3-5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3-5

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiên thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 10 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tồn thắt cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí công trình

Chi phí công trình được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý chi phí thi công các công trình đã phát sinh trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHĘ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phái hợp

Công cụ tài chính phái hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phái hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty Cổ phần Điện nhẹ viễn thông tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty Cổ phần Điện nhẹ viễn thông tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	935.722.528	703.053.842
Tiền gửi ngân hàng	1.697.443.858	1.196.982.567
Cộng	2.633.166.386	1.900.036.409

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Viễn thông và Bưu điện các tỉnh	12.203.879.466	27.185.718.266
Các Công ty, các Ban QLDA	31.997.072.033	32.578.227.761
Các khách hàng khác	2.703.128.543	3.060.644.369
Cộng	46.904.080.042	62.824.590.396

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Công trình Giao thông 1 Hà Nội	131.831.700	131.831.700
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Viễn thông Nam Bắc	200.000.000	200.000.000
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ 472	61.638.000	61.638.000
Chi nhánh điện Đăk Song	54.653.607	54.653.607
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển hạ tầng đô thị Vinh	37.000.000	37.000.000
Gold Litte Engineering Pte	42.694.400	42.694.400
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect	35.000.000	35.000.000
Chi nhánh điện lực Tân Thuận - Duyên Hải	-	41.587.710
Công ty TNHH Thiên An	296.469.813	-
Các đối tượng khác	175.950.373	215.318.857
Cộng	1.035.237.893	819.724.274

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế viễn thông Cần Thơ về tiền cổ tức	59.361.003	59.361.003
Phải thu về tiền BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	17.490.800	101.587.313
Các khoản BHXH, BHYT phải thu CBCNV	180.239.172	67.840.585
Phải thu Công ty Cổ phần Cáp và Thiết bị viễn thông về tiền cổ tức	599.761.800	599.761.800
Phải thu khác	250.538.153	68.028.953
Cộng	1.107.390.928	896.579.654

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	127.209.686	127.209.686
Công cụ, dụng cụ	5.855.000	5.855.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.808.903.570	27.380.336.008
Hàng hóa	151.147.669	151.147.669
Cộng	30.093.115.925	27.664.548.363

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.221.085	36.629.152
Chi phí thuê văn phòng	17.359.333	43.398.333
Cộng	20.580.418	80.027.485

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng (*)	46.871.106.002	46.722.661.354
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	592.835.856	670.609.099
Cộng	47.463.941.858	47.393.270.453

(*) Chủ yếu là các khoản tạm ứng cho các đội thi công

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	994.429.798	2.516.885.922	550.871.757	467.341.972	4.529.529.449
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	994.429.798	2.516.885.922	550.871.757	467.341.972	4.529.529.449
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	560.327.174	1.691.434.925	484.538.047	455.605.246	3.191.905.392
Khâu hao trong kỳ	63.891.864	171.965.742	24.649.686	11.736.726	272.244.018
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	624.219.038	1.863.400.667	509.187.733	467.341.972	3.464.149.410
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	434.102.624	825.450.997	66.333.710	11.736.726	1.337.624.057
Số cuối kỳ	370.210.760	653.485.255	41.684.024	-	1.065.380.039

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 961.976.616 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Là các trạm BTS cho thuê.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	12.094.473.923	4.333.393.921	7.761.080.002
Tăng do trích khấu hao	-	604.723.704	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	12.094.473.923	4.938.117.625	7.156.356.298

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Cáp và Thiết bị viễn thông	2.221.340	22.213.400.000	2.221.340	22.213.400.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017426 ngày 21 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cáp và Thiết bị viễn thông 20.400.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 22.213.400.000 VND, tương đương 55,53% vốn điều lệ.

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ viễn thông	6.000	600.000.000	6.000	600.000.000

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011032000060 ngày 11 tháng 06 năm 2007 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ viễn thông 1.400.000.000 VND, vốn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 7.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ Báo cáo, Công ty đã đầu tư 600.000.000VND, tương đương 8,5% vốn điều lệ.

13. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Viễn thông Cần Thơ với số lượng 10.780 cổ phiếu, mệnh giá 100.000 VND/cổ phần.

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông.

15. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng san lấp và kè biển công trình khu kinh tế Vũng Áng, Hà Tĩnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Vay và nợ ngắn hạn

Là các khoản vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Hoàng Hải Đường	-	300.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Ngân	193.173.000	293.173.000
Ông Lương Quý Thăng	90.000.000	90.000.000
Bà Đôn Thị Phương	2.480.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Việt	1.560.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	1.000.000.000	-
Ông Nguyễn Từ Duẩn	1.000.000.000	-
Ông Trần Tiến Chính	1.000.000.000	-
Bà Bùi Thị Hiền	2.000.000.000	-
Bà Đôn Thị Nghĩa	1.150.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi	1.050.000.000	-
Bà Trần Thị Mai	700.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	420.000.000	-
Ông Phan Văn Thắng	500.000.000	-
Ông Trần Thị Hương	485.000.000	-
Bà Lê Thị Chiến	350.000.000	-
Bà Trần Thị Hàng Nga	336.000.000	-
Bà Dương Thị Xuân	200.000.000	-
Ông Phùng Văn Nghĩa	200.000.000	-
Bà Phạm Minh Thúy	200.000.000	-
Các đối tượng khác	1.762.390.000	-
Cộng	16.676.563.000	683.173.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số kỳ này
Số đầu năm	683.173.000
Số tiền vay phát sinh	26.941.240.000
Số tiền vay đã trả	(10.947.850.000)
Số cuối kỳ	16.676.563.000

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội	-	154.893.964
Công ty TNHH Xử lý kỹ thuật thoát nước và Môi trường Hà Nội	64.100.000	64.100.000
Công ty Cổ phần Xây lắp viễn thông Hà Nội	108.968.576	108.968.576
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Xây dựng Bắc Ninh	99.000.000	99.000.000
Công ty Cổ phần Azet	45.734.440	45.734.440
Công ty Cổ phần Thiết bị bưu điện	71.375.194	71.375.194
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Cầu	-	263.983.800
Chi nhánh Công ty Quản lý đường sắt Hà Hải	46.984.232	46.984.232
Các đối tượng khác	202.115.613	91.568.515
Cộng	638.278.055	946.608.721

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Viễn thông Hải Dương	326.534	115.013.194
Công ty Điện thoại Hà Nội 2	80.023.051	56.620.808
Công ty Điện thoại Tây Thành phố	119.967.381	44.521.292
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng	486.000.000	486.000.000
Ban quản lý Dự án Tả Ngạn	238.000.000	238.000.000
Viễn thông Đắc Lắc	343.906.871	265.060.236
Ban quản lý các Khu công nghiệp Sơn La	1.700.000.000	200.000.000
Viễn thông Bình Định	107.720.527	6.454.960
Viễn thông Bình Phước	285.694.362	-
Trung tâm dịch vụ Viễn thông khu vực 3	1.126.524.050	-
Trung tâm Thông tin di động khu vực 4	548.295.000	-
Công ty TNHH MTV Lâm Đồng Vinacomin	357.439.377	-
Các đối tượng khác	369.578.467	359.770.489
Cộng	5.763.475.620	1.771.440.979

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.525.459.603	44.603.801	(50.000.000)	9.520.063.404
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	88.826.057	-	-	88.826.057
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.061.104.363	111.800.224	-	3.172.904.588
Thuế thu nhập cá nhân	374.903.679	87.294.275	-	462.197.954
Cộng	13.050.293.702	243.698.300	(50.000.000)	13.243.992.002

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14 .

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ được dự tính như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	472.755.594	382.716.624
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	472.755.594	382.716.624
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	111.800.224	95.679.156

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí các công trình	23.552.290.972	28.591.686.058
Trích trước lãi trái phiếu phải trả	-	2.294.000.000
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	32.583.207	66.254.160
Cộng	23.584.874.179	30.951.940.218

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	180.980.312	-
Kinh phí công đoàn	47.537.210	87.068.603
Chi phí các công trình còn phải trả	24.165.279.192	27.833.619.596
Phải trả khác	-	11.023.651
Cộng	24.393.796.714	27.931.711.850

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	470.284.494
Tăng do Tập đoàn khen thưởng	-
Tăng do trích lập quỹ trọng kỳ	-
Chi quỹ trong kỳ	(11.529.977)
Số cuối kỳ	458.754.517

23. Vay và nợ dài hạn

Là trái phiếu phát hành. Công ty phát hành 300.000 trái phiếu chuyển đổi, mệnh giá 100.000 VND, kỳ hạn 18 tháng từ 15/07/2010, lãi suất 15%/18 tháng (nếu không chuyển đổi sang cổ phiếu). Tỷ lệ chuyển đổi là 1:10. Mục đích đầu tư xây dựng 90 trạm BTS cho thuê và đầu tư xây dựng trụ sở làm việc.

Chi tiết số phát sinh về trái phiếu phát hành như sau

Số đầu năm	30.000.000.000
Tăng trong kỳ	-
Chuyển đổi sang cổ phiếu	(7.060.000.000)
Thanh toán bằng tiền	(22.940.000.000)
Số cuối kỳ	-

24. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu cho thuê các trạm BTS nhận trước cho nhiều kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHE VIỆN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
25.000.000.000	24.077.383.636	1.442.217.468	393.568.210	12.087.313.319	63.000.482.633
5.000.000.000	-	-	-	(5.000.000.000)	-
8.800.000.000	-	-	-	-	8.800.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.278.097.078	1.278.097.078
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	203.322.599	203.322.599	(609.967.797)	(203.322.599)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	(2.404.512.500)	(2.404.512.500)
Số dư cuối năm trước	38.800.000.000	24.077.383.636	1.645.540.067	596.890.809	5.350.930.100
-	-	-	-	-	70.470.744.612
Số dư đầu năm nay	38.800.000.000	24.077.383.636	1.645.540.067	596.890.809	5.350.930.100
Tăng nguồn vốn kinh doanh từ trái phiếu chuyển đổi	7.060.000.000	-	-	-	7.060.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	335.400.673	335.400.673
Số dư cuối kỳ này	45.860.000.000	24.077.383.636	1.645.540.067	596.890.809	5.686.330.773
					77.866.145.285

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	11.200.000.000	11.200.000.000
Vốn góp của các cổ đông	34.660.000.000	27.600.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	24.077.383.636	24.077.383.636
Cộng	69.937.383.636	62.877.383.636

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.586.000	3.880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.586.000	3.880.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	3.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.586.000	3.880.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	3.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.459.022.505	2.985.135.813
Doanh thu tư vấn, thiết kế	-	756.613.910
Doanh thu bán hàng hoá	-	4.470.000
Doanh thu dịch vụ	1.776.990.009	2.047.992.159
Cộng	3.236.012.514	5.794.211.882

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.411.704.671	2.888.324.310
Giá vốn hoạt động tư vấn, thiết kế	-	523.101.939
Giá vốn hoạt động bán hàng hoá	-	2.526.000
Giá vốn hoạt động cho thuê tài sản	620.285.670	975.772.299
Cộng	2.031.990.341	4.389.724.548

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	308.956.159	416.909.957
Chi phí vật liệu quản lý	13.215.336	22.975.337
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.988.260	12.138.600
Chi phí khấu hao TSCĐ	104.278.466	86.784.270
Thuế, phí và lệ phí	23.193.092	57.704.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	226.066.202	290.062.868
Chi phí bằng tiền khác	16.123.767	58.393.359
Cộng	703.821.281	944.969.305

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty không trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo này vì đây là Báo cáo của Công ty mẹ. Chỉ tiêu này sẽ được tính toán và trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành vốn chủ sở hữu, trị giá 7.060.000.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần cáp và Thiết bị viễn thông	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ viễn thông	Công ty liên kết

Không có nghiệp vụ nào phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Cáp và Thiết bị viễn thông</i>		
Phải thu về cổ tức	599.761.800	599.761.800
Phải thu về tiền hàng	-	-
Công nợ phải thu	599.761.800	599.761.800
 <i>Công ty Cổ phần Cáp và Thiết bị viễn thông</i>		
Phải trả về tiền hàng	194.932.807	194.932.807
Công nợ phải trả	194.932.807	194.932.807

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh xây lắp, thương mại, cho thuê trạm BTS và Lĩnh vực khác (thiết kế khảo sát, tư vấn, khác...)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 01 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.633.166.386	1.900.036.409	2.633.166.386	1.900.036.409
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	906.549.767	906.549.767	906.549.767	906.549.767
Phải thu khách hàng	46.795.343.401	62.715.853.755	46.795.343.401	62.715.853.755
Các khoản phải thu khác	50.371.332.786	50.289.850.107	50.371.332.786	50.289.850.107
Cộng	100.706.392.340	115.812.290.038	100.706.392.340	115.812.290.038
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	16.676.563.000	30.683.173.000	16.676.563.000	30.683.173.000
Phải trả người bán	638.278.055	946.608.721	638.278.055	946.608.721
Các khoản phải trả khác	48.059.231.144	58.984.974.768	48.059.231.144	58.984.974.768
Cộng	65.374.072.199	90.614.756.489	65.374.072.199	90.614.756.489

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Công
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	16.676.563.000	-	-	16.676.563.000
Phải trả người bán	638.278.055	-	-	638.278.055
Các khoản phải trả khác	47.997.125.889	62.105.255	-	48.059.231.144
Cộng	65.311.966.944	62.105.255	-	65.374.072.199
Số đầu năm				
Vay và nợ	683.173.000	30.000.000.000	-	30.683.173.000
Phải trả người bán	946.608.721	-	-	946.608.721
Các khoản phải trả khác	58.922.869.513	62.105.255	-	58.984.974.768
Cộng	60.552.651.234	30.062.105.255	-	90.614.756.489

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thuê hoạt động

- Hợp đồng thuê văn phòng số 437 ngày 15 tháng 06 năm 2010 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 03 phòng làm việc tại tầng 04 (P420, P422, P424) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 07 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, giá thuê là 14 USD/m² với diện tích chính và 07 USD/1m² với diện tích phụ, tổng diện tích chính thuê là 92 m² và diện tích phụ là 28 m², 3 tháng thanh toán một lần.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 333 ngày 30 tháng 05 năm 2008 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 01 phòng làm việc tại tầng 04 (P416) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 06 năm 2008 đến ngày 30 tháng 05 năm 2011, giá thuê là 11 USD/m², tổng diện tích thuê là 36 m², 3 tháng thanh toán một lần.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 482 ngày 15 tháng 11 năm 2009 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 01 phòng làm việc tại tầng 04 (P418) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 12 năm 2012, giá thuê là 13 USD/m², tổng diện tích thuê là 30,14 m², 3 tháng thanh toán một lần.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 516 ngày 20 tháng 11 năm 2009 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 02 phòng làm việc tại tầng 04 (P601,P603) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng, giá thuê là 13 USD/m², tổng diện tích thuê là 47 m², 3 tháng thanh toán một lần.
- Phụ lục hợp đồng số 02 của hợp đồng thuê văn phòng số 516 ngày 20 tháng 11 năm 2009 thuê thêm phòng 410, diện tích 30 m², giá thuê là 15 USD/m² từ ngày 01 tháng 04 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên bảng Cân đối Kế toán được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C), số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét bởi A&C.

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2012

Kế toán trưởng

Lê Tuấn Vũ



Lương Quý Thăng

20
CHU
CƠ
CH N
I TO
H
G/E

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỢT
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Kỳ này	Lĩnh vực kinh doanh xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh cho thuê trạm BTS	Lĩnh vực khác (thiết kế khảo sát, tư vấn, khác...)	Công
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.459.022.505	-	1.776.990.009	-	3.236.012.514
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.459.022.505		1.776.990.009		3.236.012.514
Chi phí bộ phận	1.411.704.671	-	620.285.670	-	2.031.990.341
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	47.317.834	-	1.156.704.339	-	1.204.022.173
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	703.821.281
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	500.200.892
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	27.039.139
Chi phí tài chính	-	-	-	-	80.039.134
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	111.800.224
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					335.400.673
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>					
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	272.244.018		604.723.704		876.967.722

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỎ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Lĩnh vực kinh doanh xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh cho thuê trạm BTS	Lĩnh vực khác (thiết kế khảo sát, tư vấn, khác...)	Công
Ký trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.985.135.813	4.470.000	2.047.992.159	756.613.910	5.794.211.882
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.985.135.813	4.470.000	2.047.992.159	756.613.910	5.794.211.882
Chi phí bộ phận	2.888.324.310	2.526.000	975.772.299	523.101.939	4.389.724.548
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	96.811.503	1.944.000	1.072.219.860	233.511.971	1.404.487.334
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	946.823.905
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	457.663.429
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	15.972.341
Chi phí tài chính	-	-	-	-	90.919.146
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	304.063.062	-	604.723.704	-	908.786.766
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	304.063.062	-	604.723.704	-	908.786.766



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỢT
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh(tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Số cuối kỳ	Lĩnh vực kinh doanh xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh cho thuê trạm BTS	Lĩnh vực khác (thiết kế khảo sát, tư vấn, khác...)	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	128.767.574.188	-	7.749.192.154	-	136.516.766.342
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.236.545.133	-	1.506.027.728	-	2.742.572.861
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					23.719.949.767
Tổng tài sản	162.979.288.970				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	84.381.539.821	-	272.849.347	-	84.654.389.168
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					458.754.517
Tổng nợ phải trả	85.113.143.685				
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	90.868.415.430	-	23.031.550.791	-	136.068.120
Tài sản phân bổ cho bộ phận					62.341.485.936
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					176.377.520.276
Tổng tài sản	176.377.520.276				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	54.562.400.429	-	13.829.411.361	-	81.702.792
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					37.433.261.082
Tổng nợ phải trả	105.906.775.664				



Đơn vị tính: VNĐ

